THỜI KHÓA BIỂU ÁP DỤNG TỪ NGÀY 13.9.2021

Viết bởi Đ□ng Vĩnh Hi□u
Thứ sáu, 10 Tháng 9 2021 00:00 - Lần cập nhật cuối Thứ hai, 13 Tháng 9 2021 20:55

01._THOI_KHOA_BIEU_13.9.2020_lan_2_BUOI_SANG.pdf

01._THOI_KHOA_BIEU_13.9.2020_lan_2_BUOI_CHIEU.pdf

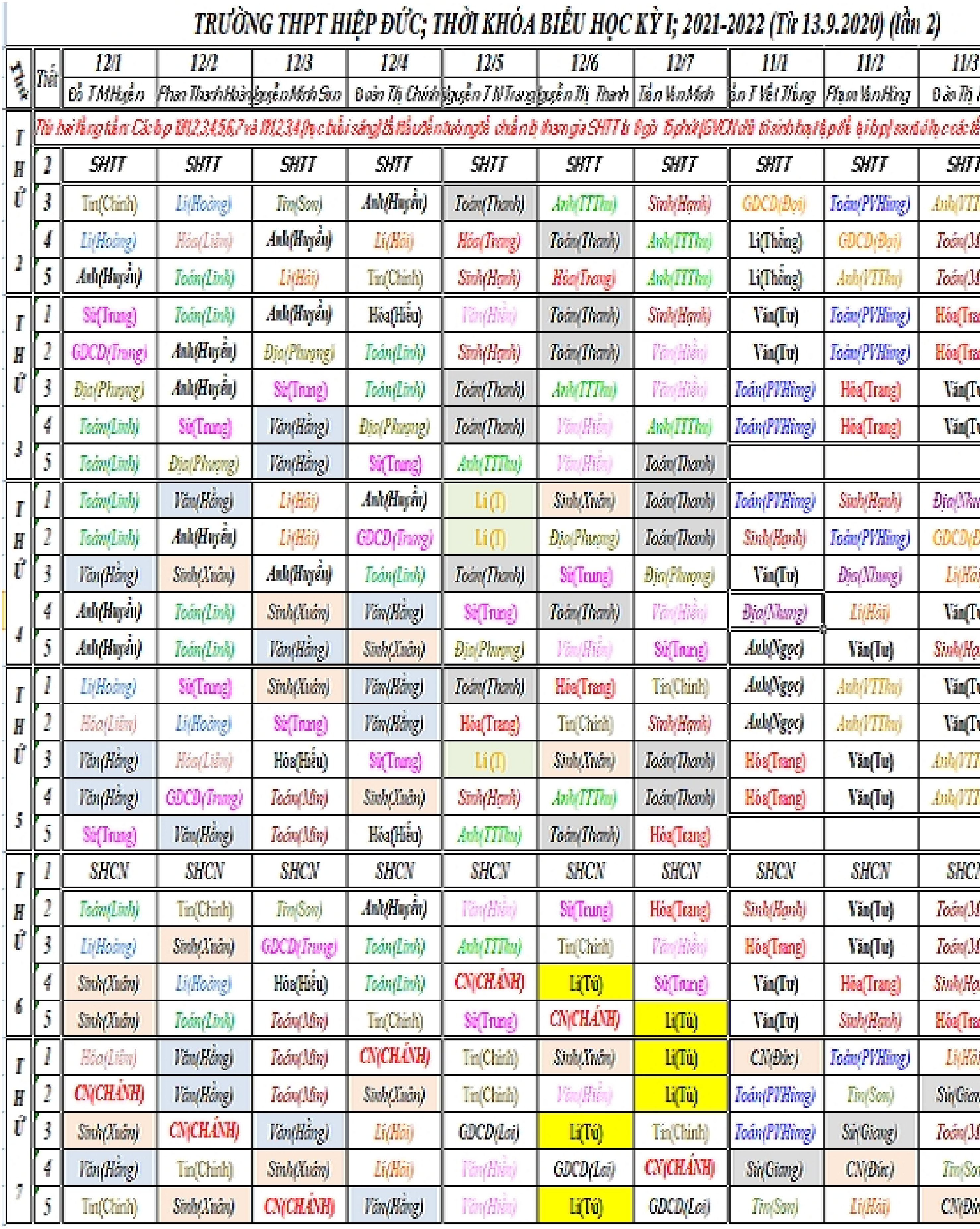

TRƯỜNG THPT HIỆP ĐỨC; THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I; 2021-2022 (Từ 13.9.2020) (lần 2)

Thứ	Tiết	12/1	12/2	12/3	12/4	12/5	12/6	12/7	11/1	11/2	11/3
		Đỗ T M Huyền	Phan Thanh Hoàng	guyễn Minh Sơn	Đoàn Thị Chính	guyễn T N Trang	guyễn Thị Thanh	Trần Văn Minh	ần T Viết Thống	Phạm Văn Hùng	Đoàn Thị
THỨ 2		Thứ hai hằng tuần: Các lớp 12/1,2,3,4,5,6,7 và 11/1,2,3,4 (học buổi sáng) [illegible] SHTT [illegible]									
	2	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHT
	3	Tin(Chính)	Lí(Hoàng)	Tin(Sơn)	Anh(Huyền)	Toán(Thanh)	Anh(TTThu)	Sinh(Hạnh)	GDCD(Đợi)	Toán(PVHùng)	Anh(VTT
	4	Lí(Hoàng)	Hóa(Liêm)	Anh(Huyền)	Lí(Hải)	Hóa(Trang)	Toán(Thanh)	Anh(TTThu)	Lí(Thống)	GDCD(Đợi)	Toán(M
	5	Anh(Huyền)	Toán(Linh)	Lí(Hải)	Tin(Chính)	Sinh(Hạnh)	Hóa(Trang)	Anh(TTThu)	Lí(Thống)	Anh(VTThu)	Toán(M
THỨ 3	1	Sử(Trung)	Toán(Linh)	Anh(Huyền)	Hóa(Hiếu)	Văn(Hiền)	Toán(Thanh)	Sinh(Hạnh)	Văn(Tư)	Toán(PVHùng)	Hóa(Tra
	2	GDCD(Trung)	Anh(Huyền)	Địa(Phượng)	Toán(Linh)	Sinh(Hạnh)	Toán(Thanh)	Văn(Hiền)	Văn(Tư)	Toán(PVHùng)	Hóa(Tra
	3	Địa(Phượng)	Anh(Huyền)	Sử(Trung)	Toán(Linh)	Toán(Thanh)	Anh(TTThu)	Văn(Hiền)	Toán(PVHùng)	Hóa(Trang)	Văn(T
	4	Toán(Linh)	Sử(Trung)	Văn(Hằng)	Địa(Phượng)	Toán(Thanh)	Văn(Hiền)	Anh(TTThu)	Toán(PVHùng)	Hóa(Trang)	Văn(T
	5	Toán(Linh)	Địa(Phượng)	Văn(Hằng)	Sử(Trung)	Anh(TTThu)	Văn(Hiền)	Toán(Thanh)			
THỨ 4	1	Toán(Linh)	Văn(Hằng)	Lí(Hải)	Anh(Huyền)	Lí(T)	Sinh(Xuân)	Toán(Thanh)	Toán(PVHùng)	Sinh(Hạnh)	Địa(Nhu
	2	Toán(Linh)	Anh(Huyền)	Lí(Hải)	GDCD(Trung)	Lí(T)	Địa(Phượng)	Toán(Thanh)	Sinh(Hạnh)	Toán(PVHùng)	GDCD(Đ
	3	Văn(Hằng)	Sinh(Xuân)	Anh(Huyền)	Toán(Linh)	Toán(Thanh)	Sử(Trung)	Địa(Phượng)	Văn(Tư)	Địa(Nhung)	Lí(Hải
	4	Anh(Huyền)	Toán(Linh)	Sinh(Xuân)	Văn(Hằng)	Sử(Trung)	Toán(Thanh)	Văn(Hiền)	Địa(Nhung)	Lí(Hải)	Văn(T
	5	Anh(Huyền)	Toán(Linh)	Văn(Hằng)	Sinh(Xuân)	Địa(Phượng)	Văn(Hiền)	Sử(Trung)	Anh(Ngọc)	Văn(Tư)	Sinh(Ho
THỨ 5	1	Lí(Hoàng)	Sử(Trung)	Sinh(Xuân)	Văn(Hằng)	Toán(Thanh)	Hóa(Trang)	Tin(Chính)	Anh(Ngọc)	Anh(VTThu)	Văn(T
	2	Hóa(Liêm)	Lí(Hoàng)	Sử(Trung)	Văn(Hằng)	Hóa(Trang)	Tin(Chính)	Sinh(Hạnh)	Anh(Ngọc)	Anh(VTThu)	Văn(T
	3	Văn(Hằng)	Hóa(Liêm)	Hóa(Hiếu)	Sử(Trung)	Lí(T)	Sinh(Xuân)	Toán(Thanh)	Hóa(Trang)	Văn(Tư)	Anh(VTT
	4	Văn(Hằng)	GDCD(Trung)	Toán(Mịn)	Sinh(Xuân)	Sinh(Hạnh)	Anh(TTThu)	Toán(Thanh)	Hóa(Trang)	Văn(Tư)	Anh(VTT
	5	Sử(Trung)	Văn(Hằng)	Toán(Mịn)	Hóa(Hiếu)	Anh(TTThu)	Toán(Thanh)	Hóa(Trang)			
THỨ 6	1	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHC
	2	Toán(Linh)	Tin(Chính)	Tin(Sơn)	Anh(Huyền)	Văn(Hiền)	Sử(Trung)	Hóa(Trang)	Sinh(Hạnh)	Văn(Tư)	Toán(M
	3	Lí(Hoàng)	Sinh(Xuân)	GDCD(Trung)	Toán(Linh)	Anh(TTThu)	Tin(Chính)	Văn(Hiền)	Hóa(Trang)	Văn(Tư)	Toán(M
	4	Sinh(Xuân)	Lí(Hoàng)	Hóa(Hiếu)	Toán(Linh)	CN(CHÁNH)	Lí(Tú)	Sử(Trung)	Văn(Tư)	Hóa(Trang)	Sinh(Ho
	5	Sinh(Xuân)	Toán(Linh)	Toán(Mịn)	Tin(Chính)	Sử(Trung)	CN(CHÁNH)	Lí(Tú)	Văn(Tư)	Sinh(Hạnh)	Hóa(Tra
THỨ 7	1	Hóa(Liêm)	Văn(Hằng)	Toán(Mịn)	CN(CHÁNH)	Tin(Chính)	Sinh(Xuân)	Lí(Tú)	CN(Đức)	Toán(PVHùng)	Lí(Hải
	2	CN(CHÁNH)	Văn(Hằng)	Toán(Mịn)	Sinh(Xuân)	Tin(Chính)	Văn(Hiền)	Lí(Tú)	Toán(PVHùng)	Tin(Sơn)	Sử(Gian
	3	Sinh(Xuân)	CN(CHÁNH)	Văn(Hằng)	Lí(Hải)	GDCD(Lợi)	Lí(Tú)	Tin(Chính)	Toán(PVHùng)	Sử(Giang)	Toán(M
	4	Văn(Hằng)	Tin(Chính)	Sinh(Xuân)	Lí(Hải)	Văn(Hiền)	GDCD(Lợi)	CN(CHÁNH)	Sử(Giang)	CN(Đức)	Tin(So
	5	Tin(Chính)	Sinh(Xuân)	CN(CHÁNH)	Văn(Hằng)	Văn(Hiền)	Lí(Tú)	GDCD(Lợi)	Tin(Sơn)	Lí(Hải)	CN(Đứ

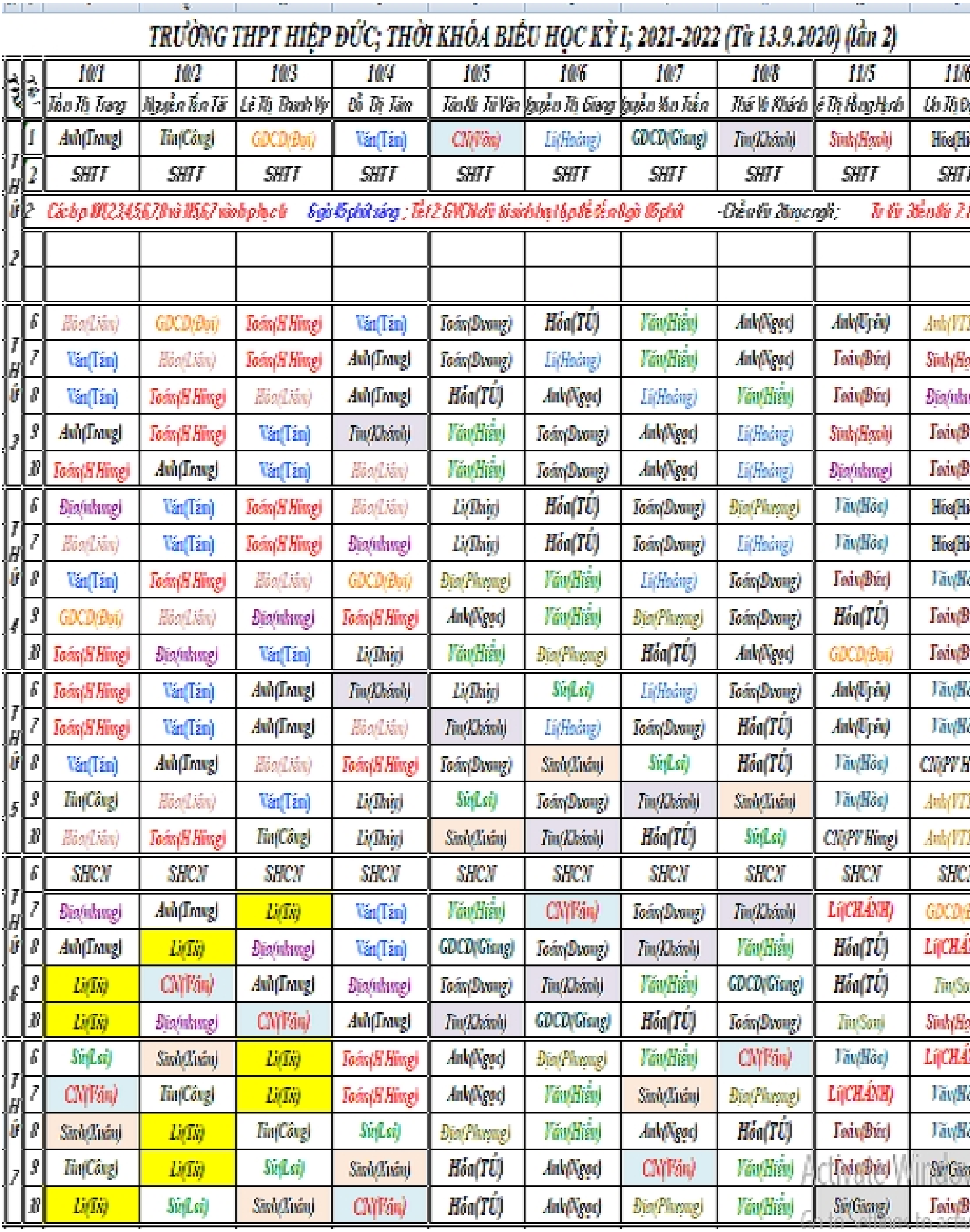

TRƯỜNG THPT HIỆP ĐỨC; THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I; 2021-2022 (Từ 13.9.2020) (lần 2)

Thứ	Tiết	10/1 Trần Thị Trang	10/2 Nguyễn Tấn Tài	10/3 Lê Thị Thanh Vy	10/4 Đỗ Thị Tâm	10/5 Tôn Nữ Tài Vân	10/6 guyễn Thị Giang	10/7 guyễn Văn Tuấn	10/8 Thái Vũ Khánh	11/5 ê Thị Hồng Hạnh	11/6 Lê Thị Đ
THỨ 2	1	Anh(Trang)	Tin(Công)	GDCD(Đợi)	Văn(Tân)	CN(Vân)	Lí(Hoàng)	GDCD(Giang)	Tin(Khánh)	Sinh(Hạnh)	Hóa(Hi
	2	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHTT	SHT
	2	Các lớp 10/1,2,3,4,5,6,7,8 và 11/5,6,7 vào học lúc 6 giờ 45 phút sáng ; Tiết 2 GVCN mỗi lớp sinh hoạt lớp để đến 8 giờ 05 phút -Chiều thứ 2 được nghỉ; Từ thứ 3 đến thứ 7									
2											
THỨ 3	6	Hóa(Liên)	GDCD(Đợi)	Toán(H Hùng)	Văn(Tân)	Toán(Dương)	Hóa(TÚ)	Văn(Hiển)	Anh(Ngọc)	Anh(Uyên)	Anh(VT
	7	Văn(Tân)	Hóa(Liên)	Toán(H Hùng)	Anh(Trang)	Toán(Dương)	Lí(Hoàng)	Văn(Hiển)	Anh(Ngọc)	Toán(Đức)	Sinh(Hạ
	8	Văn(Tân)	Toán(H Hùng)	Hóa(Liên)	Anh(Trang)	Hóa(TÚ)	Anh(Ngọc)	Lí(Hoàng)	Văn(Hiển)	Toán(Đức)	Địa(nh
	9	Anh(Trang)	Toán(H Hùng)	Văn(Tân)	Tin(Khánh)	Văn(Hiển)	Toán(Dương)	Anh(Ngọc)	Lí(Hoàng)	Sinh(Hạnh)	Toán(B
	10	Toán(H Hùng)	Anh(Trang)	Văn(Tân)	Hóa(Liên)	Văn(Hiển)	Toán(Dương)	Anh(Ngọc)	Lí(Hoàng)	Địa(nhung)	Toán(B
THỨ 4	6	Địa(nhung)	Văn(Tân)	Toán(H Hùng)	Hóa(Liên)	Lí(Thủy)	Hóa(TÚ)	Toán(Dương)	Địa(Phượng)	Văn(Hòa)	Hóa(Hi
	7	Hóa(Liên)	Văn(Tân)	Toán(H Hùng)	Địa(nhung)	Lí(Thủy)	Hóa(TÚ)	Toán(Dương)	Lí(Hoàng)	Văn(Hòa)	Hóa(Hi
	8	Văn(Tân)	Toán(H Hùng)	Hóa(Liên)	GDCD(Đợi)	Địa(Phượng)	Văn(Hiển)	Lí(Hoàng)	Toán(Dương)	Toán(Đức)	Văn(H
	9	GDCD(Đợi)	Hóa(Liên)	Địa(nhung)	Toán(H Hùng)	Anh(Ngọc)	Văn(Hiển)	Địa(Phượng)	Toán(Dương)	Hóa(TÚ)	Toán(B
	10	Toán(H Hùng)	Địa(nhung)	Văn(Tân)	Lí(Thủy)	Văn(Hiển)	Địa(Phượng)	Hóa(TÚ)	Anh(Ngọc)	GDCD(Đợi)	Toán(B
THỨ 5	6	Toán(H Hùng)	Văn(Tân)	Anh(Trang)	Tin(Khánh)	Lí(Thủy)	Sử(Lợi)	Lí(Hoàng)	Toán(Dương)	Anh(Uyên)	Văn(H
	7	Toán(H Hùng)	Văn(Tân)	Anh(Trang)	Hóa(Liên)	Tin(Khánh)	Lí(Hoàng)	Toán(Dương)	Hóa(TÚ)	Anh(Uyên)	Văn(H
	8	Văn(Tân)	Anh(Trang)	Hóa(Liên)	Toán(H Hùng)	Toán(Dương)	Sinh(Xuân)	Sử(Lợi)	Hóa(TÚ)	Văn(Hòa)	CN(PV H
	9	Tin(Công)	Hóa(Liên)	Văn(Tân)	Lí(Thủy)	Sử(Lợi)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Sinh(Xuân)	Văn(Hòa)	Anh(VT
	10	Hóa(Liên)	Toán(H Hùng)	Tin(Công)	Lí(Thủy)	Sinh(Xuân)	Tin(Khánh)	Hóa(TÚ)	Sử(Lợi)	CN(PV Hùng)	Anh(VT
THỨ 6	6	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHCN	SHC
	7	Địa(nhung)	Anh(Trang)	Lí(Tú)	Văn(Tân)	Văn(Hiển)	CN(Vân)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Lí(CHÁNH)	GDCD(
	8	Anh(Trang)	Lí(Tú)	Địa(nhung)	Văn(Tân)	GDCD(Giang)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Văn(Hiển)	Hóa(TÚ)	Lí(CHÁ
	9	Lí(Tú)	CN(Vân)	Anh(Trang)	Địa(nhung)	Toán(Dương)	Tin(Khánh)	Văn(Hiển)	GDCD(Giang)	Hóa(TÚ)	Tin(So
	10	Lí(Tú)	Địa(nhung)	CN(Vân)	Anh(Trang)	Tin(Khánh)	GDCD(Giang)	Hóa(TÚ)	Toán(Dương)	Tin(Sơn)	Sinh(Hạ
THỨ 7	6	Sử(Lợi)	Sinh(Xuân)	Lí(Tú)	Toán(H Hùng)	Anh(Ngọc)	Địa(Phượng)	Văn(Hiển)	CN(Vân)	Văn(Hòa)	Lí(CHÁ
	7	CN(Vân)	Tin(Công)	Lí(Tú)	Toán(H Hùng)	Anh(Ngọc)	Văn(Hiển)	Sinh(Xuân)	Địa(Phượng)	Lí(CHÁNH)	Văn(H
	8	Sinh(Xuân)	Lí(Tú)	Tin(Công)	Sử(Lợi)	Địa(Phượng)	Văn(Hiển)	Anh(Ngọc)	Hóa(TÚ)	Toán(Đức)	Văn(H
	9	Tin(Công)	Lí(Tú)	Sử(Lợi)	Sinh(Xuân)	Hóa(TÚ)	Anh(Ngọc)	CN(Vân)	Văn(Hiển)	Toán(Đức)	Sử(Gia
	10	Lí(Tú)	Sử(Lợi)	Sinh(Xuân)	CN(Vân)	Hóa(TÚ)	Anh(Ngọc)	Địa(Phượng)	Văn(Hiển)	Sử(Giang)	Toán(B

Activate Windows
Go to Settings to activate